

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 08 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Bùi Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 50A/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Hồ Văn B**, sinh năm 1967. Nơi cư trú: **ấp T, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ**. Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Võ Thành G**, sinh năm 1972. Nơi cư trú: **ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ**. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Thành H**, sinh năm 1956. Nơi cư trú: **ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn – ông **Hồ Văn B** trình bày:* Vào năm 2007, ông **Võ Thành G** có nhờ ông **B** đứng ra vay dùm số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tại **Ngân hàng C** để thực hiện dự án trồng hoa màu – Thực hiện nghị quyết của huyện ủy để thực hiện 500ha màu tại **xã N**. Ngày 23/01/2007, ông **B** đã đứng ra vay tiền tại **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** cho ông **G** với số tiền là

15.000.000 đồng, sau khi vay tiền ông B đã giao toàn bộ số tiền trên cho ông G. Do ông B và ông G là bà con thân tộc nên ông B tin tưởng giao tiền mà không ký kết biên nhận gì. Ông G không chịu đóng tiền lãi cho Ngân hàng cho đến nay số tiền lãi đã quá cao, nhận được thông báo của Ngân hàng ông B mới biết. Từ khi vay tiền đến nay ông G không trả tiền lãi và tiền vốn cho Ngân hàng cho ông B. Do ông B không có khả năng trả nợ nên Ngân hàng C đã khởi kiện ông B ra Tòa án nhân dân huyện Phong Điền. Ngày 15/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên buộc ông B phải trả vốn và lãi cho Ngân hàng C tạm tính đến ngày 14/6/2022 là 35.083.696 đồng và tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi ông thanh toán xong nợ. Ông B đã tìm gặp ông Võ Thành G, yêu cầu ông G trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng cho đến nay ông G vẫn không chịu trả. Ông B có làm đơn gửi đến Ủy ban kiểm tra huyện P yêu cầu ông Võ Thành G trả tiền nợ Ngân hàng, vào ngày 03/8/2022 Ủy ban kiểm tra huyện P đã lập biên bản làm việc giữa ông B và ông G, trong biên bản làm việc ông G đã cam kết đến cuối tháng 8/2022 sẽ trả tiền vốn và lãi cho ông B nhưng cho đến nay ông G vẫn chưa chịu trả tiền cho ông B. Vì sợ số tiền lãi tiếp tục tăng nên ông B đã đi vay mượn bà con, bạn bè, gom tiền để trả cho Ngân hàng. Vào ngày 19/7/2022, ông B đã đến Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C để trả nợ gốc vay là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và số tiền lãi là: 20.226.286 đồng (Hai mươi triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 35.226.286 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng). Nay ông B yêu cầu ông G trả ông tiền là 35.226.286 đồng.

Bị đơn trình bày tại bản tự khai không ghi ngày như sau: Năm 2007, xã N có thực hiện dự án 500ha trồng màu nên có vay của Ngân hàng C xã hội số tiền 100.000.000 đồng thông qua hộ dân. Tuy nhiên, dự án bị thua lỗ và không thu hồi vốn được. Ngày 02/12/2011, những người chủ chốt của dự án 500ha trồng màu là đồng chí Nguyễn Hoàng B1, đồng chí Nguyễn Hùng V, đồng chí Lê Hoàng D, đồng chí Võ Thành G, đồng chí Nguyễn Thị Khánh V1 thống nhất “ông H - trả nợ cho ông Hồ Văn B – 15.000.000đ...”, “ông G – tiếp tục trả nợ cho ông N – 10.000.000đ”. Cho nên nghĩa vụ khắc phục hậu quả trong dự án này cho ông B đã phân công cho ông G không liên quan gì đến ông nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Phần trình bày người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông H: Thời điểm thực hiện dự án 500ha màu ở xã N ông H chỉ là cán bộ khuyến nông xã N. Ông H chỉ

là cán bộ kỹ thuật xem xét sâu bệnh, mọi việc điều hành là do ông **Võ Thành G** quyết định, ông **H** không hưởng lợi gì trong dự án này và ông **G** cũng không bàn bạc gì với ông **H**. Khi thực hiện dự án ông **H** đã cảnh báo nhiều lần vì biết trồng màu là lấy công làm lời nhưng dự án toàn thuê người thì sẽ không có lời nhưng không được. Nay dự án thất bại bắt ông **H** bù lỗ thì ông **H** không đồng ý. Trong biên bản ngày 02/12/2011 ông **H** không có mặt mà buộc ông **H** phải trả cho ông **Hồ Văn B** số tiền 15.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

Vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2022, ông **B** yêu cầu ông **G** trả lại số tiền 35.226.286 đồng mà ông **B** đã vay dùm cho ông **G** để thực hiện dự án 500ha hoa màu tại xã **N** vào năm 2007, bị đơn có nơi cư trú tại huyện **P** nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã thụ lý vụ án Tranh chấp đòi lại tài sản theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn **Võ Thành G**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông **Nguyễn Thành H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông **G**, ông **H**.

[3] Tất cả các đương sự trong vụ án đều thừa nhận vào năm 2007, tại địa bàn xã **N**, huyện **P**, thành phố **cần T** thực hiện theo nghị quyết của huyện ủy thực hiện 500ha hoa màu. Trong biên bản làm việc ngày 02/12/2011 đã thể hiện để thực hiện dự án này có vay vốn thông qua hộ dân tại Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, do dự án không hiệu quả nên đã bị lỗ vốn và không thu hồi được. Trong biên bản làm việc ngày 02/12/2011 cũng đề cập đến số tiền mà dự án phải khắc phục lại cho ông **B** là 15.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

[4] Ông **H** trình bày ông không đồng ý với biên bản làm việc ngày 02/12/2011. Thời điểm thực hiện dự án này, ông **H** chỉ là cán bộ kỹ thuật xem

xét sâu bệnh, mọi việc điều hành là do ông **Võ Thành G** quyết định, ông **H** không hưởng lợi gì trong dự án này và ông **G** cũng không bàn bạc gì với ông **H**. Với vai trò là cán bộ kỹ thuật ông **H** đã cảnh báo nhiều lần cho tổ dự án về nguy cơ thua lỗ vì ông biết trồng màu là lấy công làm lời nhưng dự án toàn thuê người thì sẽ không có lời nhưng không được. Trong biên bản ngày 02/12/2011 ông **H** không có mặt mà buộc ông **H** phải trả cho ông **Hồ Văn B** số tiền 15.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

[5] Ngày 03/8/2022, tại biên bản làm việc giữa Ủy ban kiểm tra huyện với đồng chí **Võ Thành G** và ông **Hồ Văn B**, ông **G** thừa nhận có nhận từ ông **B** số tiền 15.000.000 đồng để bổ sung vốn cho dự án và cam kết trả vốn và lãi cho ông **Hồ Văn B** thời gian đến tháng 8/2022. Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi nhận số tiền trên của ông **B**, ông **G** không thực hiện trả lại tiền cho ông **B** và ông **B** đã nhiều lần liên hệ với ông **G** để đòi số tiền trên gây thiệt hại cho ông **B**. Ông **G** cho rằng trong biên bản làm việc ngày 02/12/2011 có ghi nhận việc “ông **H** - trả nợ cho ông **Hồ Văn B** – 15.000.000đ...” nên việc khắc phục hậu quả cho ông **B** không thuộc trách nhiệm của ông **G**. Tuy nhiên, trong biên bản làm việc ngày 02/12/2011 không có mặt ông **H** và ông **B** là những người liên quan trực tiếp đến vụ việc đây chỉ là sự thỏa thuận chủ quan nên không thể xem đây là cơ sở để bị đơn từ chối trách nhiệm trả lại tài sản mà bị đơn đã nhận trực tiếp từ nguyên đơn. Tuy, giữ bị đơn và nguyên đơn không có văn bản giao nhận số tiền trên nhưng thông qua biên bản làm ngày 03/8/2022 tại huyện ủy **huyện P**, bị đơn đã thừa nhận có nhận từ ông **B** số tiền 15.000.000 đồng để bổ sung vốn cho dự án và cam kết trả vốn và lãi cho ông **Hồ Văn B** thời gian đến tháng 8/2022. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 35.226.286 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng, bị đơn phải chịu án phí 5% tương ứng nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 Bộ luật dân sự năm

2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Võ Thành G** phải trả cho ông **Hồ Văn B** số tiền là 35.226.286 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông **G** nộp 1.761.314 đồng. Ông bầy được nhận lại số tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0001519 ngày 07/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Phong Điền;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu HS (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Tiến Thịnh

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thanh Hải	Bùi Văn Ba	Nguyễn Tiến Thịnh

